Tạp chí Tâm lý học Việt Nam số 1 - Tháng 2 năm 2026

DOI: https://doi.org/10.66270/vap26.v14.n1.9

STUDENTS' ATTITUDES TOWARD ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN LEARNING

Nguyen Huu Phuc[1], Nguyen Thi Hue[2], Cao Thi Thuy Trang[3]
[1] Hung Vuong University Ho Chi Minh City; [2] Hanoi National University of Education; [3] Saigon International University.

Received December 31,2025
Accepted January 20,2026

Abstract: *This article analyzes students' attitudes toward the use of artificial intelligence (AI) in learning from a psychological perspective, based on a literature review. The findings indicated that AI exerts a dual impact on higher education: it supports personalized learning, enhances efficiency, and expands access to knowledge, but it also carries potential risks such as technological dependence, reduced critical thinking, and violations of academic integrity. The article conceptualizes attitude as a psychological structure comprising cognition, affect, and behavior, which plays a mediating role in shaping students' intentions and ways of using AI. In addition, the factors influencing attitudes are systematized into three groups: (1) individual factors, (2) educational environment factors, and (3) social factors. On this basis, the article proposed educational orientations to foster effective, controlled, and responsible attitudes toward AI use in higher education.*

THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI VIỆC SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN

Nguyễn Hữu Phúc[1], Nguyễn Thị Huệ[2], Cao Thị Thùy Trang[3]
[1]Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh; [2]Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; [3]Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

Ngày nhận bài: 31/12/2025;
Ngày duyệt đăng bài: 20/1/2026

Tóm tắt: *Bài viết phân tích về thái độ của sinh viên đối với việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập dưới góc nhìn tâm lý học, dựa trên phương pháp nghiên cứu tài liệu. Kết quả cho thấy AI tác động hai mặt đến giáo dục đại học: vừa hỗ trợ cá nhân hóa học tập, tăng hiệu quả và mở rộng tiếp cận tri thức, vừa tiềm ẩn nguy cơ lệ thuộc công nghệ, suy giảm tư duy phản biện và vi phạm liêm chính học thuật. Bài báo xác định thái độ là một cấu trúc tâm lý gồm nhận thức, cảm xúc, hành vi, giữ vai trò trung gian định hướng ý định và cách thức sử dụng AI của sinh viên. Đồng thời, các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ được hệ thống theo ba nhóm: (1) cá nhân sinh viên, (2) môi trường giáo dục, và (3) bối cảnh xã hội. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất định hướng giáo dục nhằm hình thành thái độ sử dụng AI hiệu quả, có kiểm soát và có trách nhiệm trong giáo dục đại học.*

Keywords: *Attitude; Students; Artificial intelligence; Cognition; Affect; Behavior.*

Từ khóa: *Thái độ; Sinh viên; Trí tuệ nhân tạo; Nhận thức; Cảm xúc; Hành vi.*

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo (AI) trong những năm gần đây đang tạo ra những biến đổi sâu sắc và mang tính cấu trúc đối với giáo dục đại học trên phạm vi toàn cầu. Từ thiết kế chương trình đào tạo, phương thức tổ chức dạy học đến cách thức người học tiếp cận, xử lý và kiến tạo tri thức, trí tuệ nhân tạo ngày càng hiện diện như một thành tố công nghệ không thể tách rời của môi trường học tập hiện đại. Các công cụ và ứng dụng AI với khả năng xử lý dữ liệu lớn, cá nhân hóa học tập, hỗ trợ tư duy và giải quyết vấn đề đã mở ra những tiềm năng đáng kể trong việc nâng cao hiệu quả học tập và phát triển năng lực học thuật của sinh viên.

Tuy nhiên, song hành với những cơ hội đó là hàng loạt vấn đề mới nảy sinh có ý nghĩa tâm lý, giáo dục sâu sắc. Việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập không chỉ đặt ra các yêu cầu về kỹ năng công nghệ, mà còn tác động trực tiếp đến động cơ học tập, cách thức tư duy, mức độ tự chủ, ý thức trách nhiệm học thuật và hệ giá trị nghề nghiệp của sinh viên. Nhiều nghiên cứu đã cảnh báo nguy cơ lệ thuộc vào công nghệ, suy giảm năng lực tư duy phản biện, làm mờ ranh giới giữa hỗ trợ học tập và gian lận học thuật, cũng như những thách thức về đạo đức và liêm chính trong giáo dục đại học. Những vấn đề này cho thấy trí tuệ nhân tạo trong học tập mang bản chất hai mặt, vừa là công cụ hỗ trợ phát triển, vừa tiềm ẩn nguy cơ làm biến dạng quá trình hình thành nhân cách và năng lực trí tuệ của người học nếu không được định hướng phù hợp.

Trong bối cảnh đó, cách thức sinh viên tiếp nhận, đánh giá và sử dụng trí tuệ nhân tạo không thể được hiểu đơn thuần như một hành vi mang tính kỹ thuật hay công nghệ, mà trước hết là một hiện tượng tâm lý. Thái độ của sinh viên đối với việc sử dụng trí tuệ nhân tạo với tư cách là một cấu trúc tâm lý bao gồm các thành tố nhận thức, cảm xúc và xu hướng hành vi giữ vai trò trung gian quan trọng trong việc định hướng cách thức sử dụng công nghệ này trong học tập. Thái độ không chỉ quyết định mức độ chấp nhận hay từ chối trí tuệ nhân tạo, mà còn chi phối cách sinh viên sử dụng AI một cách chủ động, có trách nhiệm hay mang tính lệ thuộc, đối phó.

Tuy nhiên, tổng quan các công trình nghiên cứu hiện nay cho thấy phần lớn các nghiên cứu về trí tuệ nhân tạo trong giáo dục đại học vẫn chủ yếu tiếp cận từ góc độ công nghệ hoặc các mô hình chấp nhận công nghệ, tập trung vào ý định sử dụng, tần suất sử dụng và các yếu tố kỹ thuật. Các nghiên cứu tiếp cận thái độ của

sinh viên đối với trí tuệ nhân tạo như một cấu trúc tâm lý hoàn chỉnh, phân tích sâu sắc bản chất, cấu trúc và vai trò điều tiết của thái độ đối với hành vi học tập còn tương đối hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục đại học ở Việt Nam.

Xuất phát từ yêu cầu lý luận và thực tiễn đó, việc nghiên cứu thái độ đối với việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập của sinh viên dưới góc nhìn tâm lý học là cần thiết và có ý nghĩa khoa học rõ nét. Nghiên cứu không chỉ góp phần bổ sung và làm sâu sắc cơ sở lý luận về thái độ trong bối cảnh công nghệ giáo dục hiện đại, mà còn góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc định hướng, điều chỉnh và phát triển thái độ sử dụng trí tuệ nhân tạo một cách lành mạnh, có trách nhiệm và hiệu quả trong giáo dục đại học.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu nhằm tổng quan, phân tích và hệ thống hóa một cách có cơ sở khoa học các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến thái độ đối với việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập của sinh viên dưới góc độ tâm lý học. Việc lựa chọn phương pháp này cho phép làm rõ nền tảng lý luận, các hướng tiếp cận chủ đạo và những luận điểm cốt lõi phục vụ cho việc phân tích khái niệm, cấu trúc, biểu hiện và vai trò của thái độ trong định hướng hành vi học tập của sinh viên trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay.

Nguồn tài liệu nghiên cứu bao gồm sách chuyên khảo, bài báo khoa học, luận án và báo cáo nghiên cứu đã được công bố chính thức trong các lĩnh vực tâm lý học, giáo dục học và công nghệ giáo dục. Các tài liệu được lựa chọn dựa trên tiêu chí: tính liên quan trực tiếp đến chủ đề nghiên cứu, cơ sở lý luận rõ ràng, giá trị học thuật được thừa nhận và mức độ ảnh hưởng trong cộng đồng nghiên cứu.

Quá trình thu thập tài liệu được thực hiện thông qua thư viện của các cơ sở đào tạo và các cơ sở dữ liệu khoa học điện tử uy tín. Việc xử lý và phân tích tài liệu được tiến hành theo các bước: đọc chọn lọc, phân loại theo chủ đề, phân tích nội dung, so sánh các cách tiếp cận và tổng hợp kết quả. Trên cơ sở đó, bài viết nhận diện các khuynh hướng nghiên cứu chủ đạo, những đóng góp nổi bật cũng như các hạn chế còn tồn tại trong các nghiên cứu trước, làm căn cứ cho việc đề xuất khung tiếp cận tâm lý học trong nghiên cứu thái độ sử dụng trí tuệ nhân tạo của sinh viên trong giáo dục đại học.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Tác động của trí tuệ nhân tạo đối với giáo dục đại học

Trí tuệ nhân tạo được hiểu là lĩnh vực khoa học và kỹ thuật nhằm thiết kế các hệ thống có khả năng thực hiện những chức năng vốn được xem là biểu hiện của trí tuệ con người, như học tập, suy luận, giải quyết vấn đề và ra quyết định.

Trải qua quá trình phát triển, trí tuệ nhân tạo không còn giới hạn ở việc mô phỏng các hành vi thông minh đơn lẻ, mà ngày càng hướng tới việc xây dựng các hệ thống có khả năng tự học, thích ứng và xử lý thông tin phức hợp dựa trên dữ liệu lớn và các mô hình học máy. Với đặc trưng là tính liên ngành cao, trí tuệ nhân tạo tích hợp tri thức từ khoa học máy tính, toán học, khoa học thần kinh, tâm lý học nhận thức và khoa học giáo dục, tạo nền tảng cho những ứng dụng sâu rộng trong nhiều lĩnh vực xã hội, trong đó có giáo dục đại học.

Trong giáo dục, trí tuệ nhân tạo bắt đầu được nghiên cứu một cách có hệ thống từ những năm 1970 với sự hình thành của lĩnh vực Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục (Artificial Intelligence in Education - AIEd). Mục tiêu cốt lõi của AIEd là phát triển các hệ thống có khả năng hỗ trợ giảng dạy và học tập thông qua việc thu thập phản hồi của người học, chẩn đoán mức độ hiểu biết, cá nhân hóa lộ trình học tập và góp phần làm sáng tỏ các quá trình dạy, học từ góc độ khoa học nhận thức. Những nghiên cứu nền tảng này đã đặt cơ sở cho sự phát triển mạnh mẽ của các ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục đại học đương đại.

Trong bối cảnh hiện nay, trí tuệ nhân tạo đang tác động sâu rộng và đa chiều đến giáo dục đại học, thể hiện rõ ở cả cấp độ hệ thống, đội ngũ giảng viên và người học. Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục bao gồm một hệ sinh thái các công nghệ như hệ thống dạy kèm thông minh, học tập thích ứng, chatbot hỗ trợ học tập, hệ thống chấm điểm và phản hồi tự động, cũng như các công cụ phân tích dữ liệu học tập. Các công nghệ này góp phần cá nhân hóa quá trình học tập, hỗ trợ giảng viên trong thiết kế và tổ chức dạy học, đồng thời nâng cao khả năng theo dõi tiến bộ và nhu cầu học tập của sinh viên. Tuy nhiên, các nhà khoa học nhấn mạnh rằng trí tuệ nhân tạo không nên được nhìn nhận như một công cụ thay thế vai trò sư phạm của con người, mà cần được đặt trong khuôn khổ hỗ trợ và tăng cường năng lực dạy, học, lấy người học làm trung tâm và bảo đảm định hướng nhân văn của giáo dục.

Ở phương diện giảng viên, trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi căn bản hoạt động thiết kế dạy học, phương pháp giảng dạy và đánh giá học tập. Các hệ thống trí tuệ nhân tạo cho phép tự động hóa một số khâu trong xây dựng học liệu, tổ chức đánh giá và phản hồi, qua đó giúp giảng viên tập trung nhiều hơn vào vai trò định hướng, hỗ trợ và phát triển tư duy bậc cao cho sinh viên. Tuy nhiên, hiệu quả ứng dụng trí tuệ nhân tạo phụ thuộc lớn vào năng lực công nghệ, định hướng sư phạm và nhận thức nghề nghiệp của giảng viên. Các nghiên cứu trong nước cho thấy việc sinh viên sử dụng trí tuệ nhân tạo thiếu sự hướng dẫn của giảng viên có thể dẫn đến nguy cơ phụ thuộc công nghệ, suy giảm tư duy phản biện, vi phạm liêm chính học thuật và phát sinh các vấn đề đạo đức, pháp lý (Lê Đình

Thâm và cộng sự, 2024). Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với giảng viên trong việc nâng cao năng lực tích hợp trí tuệ nhân tạo một cách có kiểm soát và có định hướng giáo dục rõ ràng.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu định lượng gần đây cũng khẳng định vai trò của các yếu tố tổ chức và nhận thức cá nhân trong việc thúc đẩy hoặc cản trở việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy đại học. Nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Trang, Nguyễn Kiều Phát và Nguyễn Trần Bảo Ny (2025) chỉ ra rằng chiến lược và điều kiện hỗ trợ của nhà trường, nhận thức về tính hữu ích và tính dễ sử dụng, cùng với kỹ năng công nghệ và nhu cầu nghề nghiệp của giảng viên là những yếu tố quyết định mức độ chấp nhận và sử dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh. Các tác giả đồng thời cảnh báo rằng việc triển khai trí tuệ nhân tạo thiếu khung chính sách và chuẩn mực sư phạm rõ ràng có thể làm gia tăng rủi ro về độ tin cậy học thuật và sự lệ thuộc vào công nghệ.

Đối với sinh viên, chủ thể trung tâm của quá trình giáo dục đại học, trí tuệ nhân tạo tạo ra những tác động vừa tích cực vừa tiêu cực. Các nghiên cứu cho thấy trí tuệ nhân tạo hỗ trợ sinh viên trong việc chuẩn bị bài học, mở rộng khả năng tiếp cận tri thức, thúc đẩy hoạt động tự học, tự nghiên cứu và tăng cường tương tác học tập, đặc biệt trong môi trường học tập số và học tập kết hợp (Bùi Trọng Tài và Nguyễn Minh Tuấn, 2024). Tuy nhiên, việc sử dụng trí tuệ nhân tạo cũng tiềm ẩn nguy cơ làm giảm nỗ lực nhận thức, gia tăng xu hướng học tập đối phó, khó kiểm soát độ chính xác của tri thức và xâm phạm tính toàn vẹn học thuật. Ngoài ra, bản chất thuật toán của trí tuệ nhân tạo còn hạn chế khả năng cảm thụ bối cảnh văn hóa và chiều sâu cảm xúc trong quá trình học tập.

Các nghiên cứu thực nghiệm trong lĩnh vực học ngoại ngữ cho thấy trí tuệ nhân tạo có thể mang lại hiệu quả đáng kể trong việc phát triển kỹ năng ngôn ngữ, đặc biệt là kỹ năng nói, thông qua phản hồi tức thời và lộ trình học tập cá nhân hóa. Tuy nhiên, sự suy giảm mức độ tham gia học tập theo thời gian được ghi nhận trong nghiên cứu này cho thấy hiệu quả của trí tuệ nhân tạo không mang tính bền vững nếu thiếu động lực học tập nội tại và khả năng tự điều chỉnh của người học.

Ở bình diện quốc tế, trí tuệ nhân tạo tạo sinh đang được sinh viên sử dụng rộng rãi trong việc tìm kiếm thông tin, phát triển ý tưởng và hoàn thành nhiệm vụ học tập. Mặc dù sinh viên đánh giá cao lợi ích của trí tuệ nhân tạo trong việc giảm tải khối lượng học tập và nâng cao hiệu quả, các tác giả cảnh báo rằng việc sử dụng thiếu kiểm soát có thể dẫn đến suy giảm tư duy phản biện, gia tăng gian lận học thuật và lệ thuộc công nghệ. Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh rằng tác

động của trí tuệ nhân tạo không mang tính một chiều, mà phụ thuộc chặt chẽ vào cách thức, mục đích và mức độ sử dụng của người học.

Có thể nói trí tuệ nhân tạo đang tạo ra những biến đổi sâu sắc đối với giáo dục đại học, vừa mở ra cơ hội đổi mới dạy học, cá nhân hóa học tập và phát triển năng lực tự chủ, vừa đặt ra những thách thức nghiêm trọng về nhận thức, đạo đức và chất lượng giáo dục. Đối với giảng viên, hiệu quả ứng dụng trí tuệ nhân tạo gắn liền với điều kiện tổ chức, năng lực công nghệ và định hướng sư phạm. Đối với sinh viên, tác động của trí tuệ nhân tạo chịu sự chi phối đáng kể bởi cách thức tiếp nhận và đặc biệt là thái độ đối với trí tuệ nhân tạo như một cấu trúc tâm lý trung gian định hướng hành vi học tập. Do đó, nghiên cứu thái độ của sinh viên đối với việc sử dụng trí tuệ nhân tạo có ý nghĩa then chốt trong việc phát huy các tác động tích cực và hạn chế những hệ quả tiêu cực của trí tuệ nhân tạo trong giáo dục đại học hiện nay.

3.2. Thái độ sử dụng trí tuệ nhân tạo của sinh viên

Trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay, thái độ của sinh viên đối với việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập không chỉ phản ánh mức độ tán thành hay phản đối đối với một công nghệ mới, mà còn biểu hiện mối quan hệ tâm lý, học thuật giữa chủ thể học tập và công nghệ trí tuệ nhân tạo như một công cụ hỗ trợ nhận thức. Việc xem xét thái độ như một hiện tượng tâm lý cho phép lý giải sâu sắc sự khác biệt giữa sinh viên trong cách tiếp nhận, khai thác và phản ứng trước AI, vượt ra ngoài việc mô tả đơn thuần hành vi sử dụng công nghệ. Thái độ giữ vai trò trung tâm trong việc chuyển hóa các đánh giá chủ quan về đối tượng thành ý định hành vi và cuối cùng là hành vi thực tế. Do đó, trong nghiên cứu này, bản chất của thái độ được hiểu là mức độ sẵn sàng hay không sẵn sàng của sinh viên trong việc sử dụng AI phục vụ hoạt động học tập, được hình thành và biểu hiện thông qua ba mặt cấu trúc cơ bản: nhận thức, cảm xúc và hành vi.

3.2.1. Biểu hiện về mặt nhận thức của thái độ

Ở bình diện nhận thức, thái độ của sinh viên đối với việc sử dụng AI trong học tập trước hết được thể hiện qua nhận thức về tính hữu ích của công nghệ này. Sinh viên đánh giá AI như một công cụ hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động học tập như tìm kiếm và xử lý thông tin, giải thích khái niệm, gợi ý ý tưởng, hỗ trợ viết học thuật, ôn tập và giải quyết vấn đề. Mức độ tin tưởng vào khả năng nâng cao hiệu quả học tập của AI phản ánh rõ khuynh hướng thái độ tích cực hay dè dặt của sinh viên (Dư Thị Chung và cộng sự, 2024).

Bên cạnh đó, nhận thức về tính dễ sử dụng cũng là một thành tố quan trọng của thái độ, thể hiện qua việc sinh viên đánh giá mức độ dễ học, dễ thao tác, dễ tiếp cận và khả năng tích hợp AI vào quá trình học tập hằng ngày. Khi AI

được nhận thức là "không quá phức tạp" và "phù hợp với năng lực công nghệ cá nhân", thái độ của sinh viên có xu hướng trở nên tích cực hơn, làm gia tăng sự sẵn sàng chấp nhận và sử dụng công nghệ.

Đồng thời, thái độ nhận thức còn được thể hiện qua nhận thức về giới hạn và rủi ro của AI trong học tập, phản ánh mức độ tỉnh táo và tư duy phê phán của sinh viên khi tiếp cận công nghệ (Bùi Trọng Tài và Nguyễn Minh Tuấn, 2024). Sinh viên có thể ý thức rằng, bên cạnh những lợi ích rõ rệt, AI vẫn tiềm ẩn các hạn chế như nguy cơ cung cấp thông tin sai lệch, thiếu chiều sâu học thuật hoặc không phù hợp với yêu cầu đánh giá trong giáo dục đại học. Việc sử dụng AI thiếu kiểm soát có thể dẫn đến sự phụ thuộc công nghệ, làm suy giảm tư duy độc lập và năng lực tự học. Nhận thức về các rủi ro liên quan đến liêm chính học thuật, chẳng hạn như sao chép nội dung hoặc vi phạm quy định đào tạo, cũng là một biểu hiện quan trọng của thái độ nhận thức, có vai trò điều chỉnh và định hướng hành vi sử dụng AI một cách có trách nhiệm (Bretag và cộng sự, 2019).

3.2.2. Biểu hiện về mặt cảm xúc của thái độ

Ở bình diện cảm xúc, thái độ của sinh viên đối với việc sử dụng AI phản ánh các trạng thái tình cảm, cảm nhận chủ quan và phản ứng cảm tính nảy sinh trong quá trình tiếp cận và sử dụng công nghệ này. Nhiều sinh viên trải nghiệm cảm xúc hứng thú, tò mò và tích cực khi sử dụng AI, đặc biệt khi nhận thấy sự tiện lợi, nhanh chóng và hiệu quả trong việc hỗ trợ học tập. Những cảm xúc tích cực này góp phần củng cố khuynh hướng chấp nhận và gia tăng mức độ gắn bó của sinh viên với công nghệ.

Tuy nhiên, song song với đó là các cảm xúc lo ngại, nghi ngờ hoặc băn khoăn, xuất hiện khi sinh viên đối diện với nguy cơ thông tin sai lệch, sự phụ thuộc quá mức vào AI hoặc những hệ quả tiêu cực liên quan đến đạo đức và liêm chính học thuật (Bùi Trọng Tài và Nguyễn Minh Tuấn, 2024; Albadarin và cộng sự, 2024). Một bộ phận sinh viên thể hiện sự lo lắng trước khả năng suy giảm nỗ lực cá nhân, giảm động cơ học tập và nguy cơ bị đánh giá tiêu cực trong môi trường học thuật nếu việc sử dụng AI không được thừa nhận hoặc kiểm soát chặt chẽ. Những cảm xúc trái chiều này cho thấy thái độ cảm xúc của sinh viên đối với AI mang tính lưỡng diện, vừa hấp dẫn vừa dè chừng, phản ánh sự căng thẳng tâm lý đặc trưng khi tiếp cận một công nghệ mới trong giáo dục.

3.2.3. Biểu hiện về mặt hành vi của thái độ

Ở bình diện hành vi, thái độ được hiện thực hóa thông qua các hành động cụ thể của sinh viên trong quá trình học tập có sử dụng AI. Điều này thể hiện ở mức độ và tần suất sử dụng AI cho các nhiệm vụ học thuật như tìm kiếm tài liệu,

giải thích nội dung bài học, hoàn thành bài tập, chuẩn bị thuyết trình và viết báo cáo (Bùi Trọng Tài và Nguyễn Minh Tuấn, 2024). Đồng thời, thái độ còn được bộc lộ qua cách thức sử dụng: sinh viên có thể khai thác AI một cách chủ động, có chọn lọc và kết hợp với tư duy cá nhân, hoặc sử dụng một cách thụ động, sao chép và phụ thuộc, thiếu kiểm chứng thông tin.

Hành vi tuân thủ hoặc vi phạm các chuẩn mực đạo đức khi sử dụng AI cũng là chỉ báo quan trọng phản ánh thái độ của sinh viên (Lê Đình Thâm và cộng sự, 2024). Bên cạnh đó, khuynh hướng tiếp tục sử dụng hoặc từ chối sử dụng AI trong tương lai cho thấy sự đánh giá của sinh viên về hiệu quả và tác động của công nghệ này đối với quá trình học tập, qua đó khẳng định vai trò trung gian của thái độ trong mối quan hệ giữa đặc điểm công nghệ và hành vi học tập.

3.2.4. Vai trò trung gian của thái độ trong học tập có sử dụng AI

Từ góc nhìn tâm lý học giáo dục, thái độ của sinh viên giữ vai trò yếu tố trung gian giữa các đặc tính của công nghệ và hành vi học tập thực tế. Các mô hình chấp nhận công nghệ chỉ ra rằng nhận thức về tính hữu ích và tính dễ sử dụng chỉ thực sự chuyển hóa thành ý định và hành vi sử dụng khi được trung gian hóa bởi thái độ của người học. Trong bối cảnh sử dụng AI trong giáo dục đại học, thái độ tích cực và cân bằng giúp sinh viên khai thác công nghệ một cách có mục đích, có kiểm soát và gắn với mục tiêu học tập. Ngược lại, thái độ tiêu cực hoặc lệch lạc có thể làm suy yếu tác động tích cực của AI, thậm chí dẫn đến những hệ quả không mong muốn như phụ thuộc công nghệ hoặc suy giảm tư duy phản biện (Lê Đình Thâm và cộng sự, 2024).

Trên cơ sở đó, có thể phân biệt một số dạng thái độ phổ biến của sinh viên đối với AI trong học tập, bao gồm: thái độ tích cực (chủ động, có chọn lọc), thái độ tiêu cực (lo ngại, né tránh) và thái độ lệch lạc (phụ thuộc, lạm dụng). Mỗi dạng thái độ gắn liền với những hệ quả khác nhau đối với hiệu quả học tập, sự phát triển tư duy phản biện và năng lực tự chủ của sinh viên. Vì vậy, việc nghiên cứu thái độ của sinh viên dưới góc nhìn tâm lý học không chỉ góp phần làm rõ bản chất của hành vi học tập có sử dụng AI, mà còn có ý nghĩa thực tiễn quan trọng trong việc định hướng giáo dục nhằm hình thành thái độ sử dụng AI một cách hiệu quả, có trách nhiệm và phù hợp với mục tiêu đào tạo của giáo dục đại học.

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ của sinh viên đối với việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập

Dưới góc độ tâm lý học và khoa học giáo dục, các nghiên cứu đương đại cho thấy thái độ của sinh viên đối với việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập không phải là phản ứng đơn tuyến, mà là kết quả của sự tương tác động giữa

đặc điểm cá nhân, môi trường giáo dục và bối cảnh xã hội - văn hóa. Cách tiếp cận này phù hợp với các mô hình sinh thái và các lý thuyết chấp nhận công nghệ, trong đó thái độ được hình thành và điều chỉnh bởi nhiều tầng ảnh hưởng khác nhau, từ chủ thể đến bối cảnh. Trên cơ sở tổng hợp các công trình nghiên cứu có uy tín, có thể xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ sử dụng AI của sinh viên theo ba nhóm chính: (1) các yếu tố thuộc về bản thân sinh viên; (2) các yếu tố thuộc về môi trường giáo dục đại học và (3) các yếu tố thuộc về bối cảnh xã hội và quan hệ xung quanh sinh viên.

3.3.1. Các yếu tố thuộc về bản thân sinh viên

Nhóm yếu tố cá nhân giữ vai trò nền tảng trong việc hình thành và điều chỉnh thái độ của sinh viên đối với việc sử dụng AI trong học tập. Theo các mô hình chấp nhận công nghệ kinh điển như Technology Acceptance Model (TAM) và Unified Theory of Acceptance and Use of Technology (UTAUT), nhận thức về tính hữu ích và nhận thức về tính dễ sử dụng là hai yếu tố cốt lõi chi phối thái độ của cá nhân đối với một công nghệ mới. Khi sinh viên tin rằng AI có khả năng nâng cao hiệu quả học tập, tiết kiệm thời gian, cải thiện chất lượng sản phẩm học tập và hỗ trợ phát triển năng lực cá nhân, họ có xu hướng hình thành thái độ tích cực và sẵn sàng chấp nhận công nghệ này trong hoạt động học tập.

Bên cạnh đó, năng lực công nghệ và năng lực sử dụng AI của sinh viên có ảnh hưởng trực tiếp đến thái độ. Những sinh viên có nền tảng kỹ năng công nghệ tốt, hiểu biết cơ bản về nguyên lý hoạt động, giới hạn và điều kiện sử dụng AI, đồng thời có khả năng khai thác công cụ một cách chủ động và có kiểm soát, thường dễ dàng chấp nhận và sử dụng AI một cách hiệu quả. Ngược lại, sự thiếu hụt năng lực hoặc hiểu biết hạn chế về AI có thể làm gia tăng cảm giác lo âu công nghệ, dẫn đến thái độ dè dặt hoặc tiêu cực .

Ngoài các yếu tố nhận thức, động cơ và mục tiêu học tập cũng đóng vai trò quan trọng trong việc định hình thái độ của sinh viên. Những sinh viên có động cơ học tập nội tại, định hướng phát triển năng lực và tự hoàn thiện bản thân thường xem AI như một công cụ hỗ trợ cho quá trình học tập và tư duy, từ đó hình thành thái độ chủ động, có chọn lọc và có trách nhiệm. Ngược lại, sinh viên học tập mang tính đối phó hoặc chịu áp lực thành tích có thể sử dụng AI theo hướng lệ thuộc, dẫn đến thái độ mâu thuẫn khi đối diện với các yêu cầu về đạo đức và liêm chính học thuật (Ryan và Deci, 2000; Bretag và cộng sự, 2019).

Bên cạnh đó, yếu tố cảm xúc như sự hứng thú, tò mò, lo lắng, sợ phụ thuộc công nghệ hay e ngại vi phạm liêm chính học thuật cũng tác động mạnh đến thái độ của sinh viên. Nhiều nghiên cứu cho thấy sinh viên có thể đồng thời đánh giá cao lợi ích của AI nhưng vẫn lo ngại về độ chính xác của thông tin, mức

độ kiểm soát và những hệ quả lâu dài đối với tư duy độc lập, phản ánh tính hai mặt trong trải nghiệm cảm xúc đối với công nghệ mới (Pekrun, 2006).

3.3.2. Các yếu tố thuộc về môi trường giáo dục đại học

Môi trường giáo dục đại học là bối cảnh trực tiếp chi phối sự hình thành và biểu hiện thái độ của sinh viên đối với việc sử dụng AI trong học tập. Trước hết, định hướng và chính sách của nhà trường về ứng dụng AI trong giảng dạy, học tập và đánh giá giữ vai trò định hướng mang tính thể chế. Khi các quy định về phạm vi, mục đích và nguyên tắc sử dụng AI được xây dựng rõ ràng, minh bạch và nhất quán, sinh viên có xu hướng hình thành thái độ tích cực và sử dụng công nghệ này một cách có trách nhiệm hơn (Bretag và cộng sự, 2019).

Bên cạnh đó, phương pháp giảng dạy và đánh giá của giảng viên có ảnh hưởng đáng kể đến cách sinh viên nhận thức và sử dụng AI. Các phương pháp dạy học chú trọng tư duy phản biện, học tập chủ động và sáng tạo giúp sinh viên nhìn nhận AI như một công cụ hỗ trợ cho quá trình nhận thức, thay vì là phương tiện thay thế tư duy cá nhân. Ngược lại, các hình thức đánh giá thiên về sản phẩm cuối cùng, thiếu hướng dẫn cụ thể về cách sử dụng AI, có thể vô tình khuyến khích việc lạm dụng công nghệ và hình thành thái độ lệch lạc trong học tập (Bùi Trọng Tài và Nguyễn Minh Tuấn, 2024).

Ngoài ra, đặc thù ngành đào tạo cũng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến thái độ của sinh viên. Sinh viên các ngành công nghệ, kỹ thuật và khoa học dữ liệu thường có mức độ tiếp xúc cao hơn với AI, từ đó hình thành thái độ cởi mở và tích cực hơn. Trong khi đó, sinh viên các ngành khoa học xã hội, nhân văn và sư phạm có xu hướng tiếp cận AI một cách thận trọng hơn, gắn với các mối quan tâm về đạo đức, bản sắc nghề nghiệp và vai trò của con người trong hoạt động học tập. Cuối cùng, điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ và hệ sinh thái học tập số của nhà trường cũng góp phần quan trọng trong việc định hình thái độ của sinh viên thông qua việc tạo ra hoặc hạn chế các cơ hội trải nghiệm AI một cách có hướng dẫn và hiệu quả.

3.3.3. Các yếu tố thuộc về bối cảnh xã hội và quan hệ xung quanh sinh viên

Trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển kinh tế tri thức, các yếu tố xã hội ngày càng có ảnh hưởng sâu sắc đến thái độ sử dụng AI của sinh viên. Chuẩn mực xã hội và diễn ngôn công cộng về AI trong giáo dục tác động trực tiếp đến cách sinh viên đánh giá tính chấp nhận được và tính chính đáng của việc sử dụng công nghệ này. Khi AI được xã hội nhìn nhận như một xu hướng tất yếu và được truyền thông phổ biến như một công cụ hỗ trợ học tập hợp pháp, sinh viên có xu hướng hình thành thái độ cởi mở và tích cực hơn.

Bên cạnh đó, ảnh hưởng của bạn bè, cộng đồng học tập và mạng xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố hoặc làm suy yếu thái độ của sinh viên. Việc quan sát các hình mẫu sử dụng AI hiệu quả có thể gia tăng niềm tin vào tính hữu ích và khả thi của công nghệ, trong khi các tranh luận tiêu cực liên quan đến gian lận học thuật hoặc lệ thuộc công nghệ có thể làm gia tăng sự do dự và hình thành thái độ mâu thuẫn.

Đặc biệt, vai trò của giảng viên với tư cách là chủ thể định hướng chuẩn mực học thuật có ảnh hưởng mạnh mẽ đến thái độ của sinh viên. Quan điểm, thái độ và cách thức giảng viên hướng dẫn hoặc kiểm soát việc sử dụng AI góp phần định hình nhận thức của sinh viên về ranh giới giữa hỗ trợ học tập hợp pháp và vi phạm liêm chính học thuật. Sự thiếu thống nhất trong hướng dẫn có thể dẫn đến sự lúng túng và thái độ không ổn định của sinh viên khi tiếp cận công nghệ. Cuối cùng, bối cảnh pháp lý, đạo đức và văn hóa học thuật, bao gồm các quy định về liêm chính học thuật, bản quyền và quyền riêng tư dữ liệu - không chỉ định hướng hành vi mà còn góp phần hình thành thái độ thận trọng, có ý thức và trách nhiệm của sinh viên khi sử dụng AI trong học tập, qua đó bảo vệ các giá trị cốt lõi của giáo dục đại học.

4. Kết luận

Bài viết khẳng định rằng thái độ của sinh viên đối với việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập là một cấu trúc tâm lý có tổ chức, bao gồm nhận thức, cảm xúc, xu hướng hành vi, giữ vai trò trung gian quyết định cách sinh viên tiếp nhận, lựa chọn và sử dụng AI trong hoạt động học thuật. AI tạo ra các cơ hội đáng kể cho cá nhân hóa học tập, mở rộng khả năng tiếp cận tri thức và hỗ trợ giải quyết nhiệm vụ học tập; tuy nhiên, tác động của AI không mang tính một chiều, mà phụ thuộc chặt chẽ vào mục đích, cách thức và mức độ sử dụng của người học. Khi thiếu định hướng, AI có thể kéo theo hệ quả tiêu cực như giảm nỗ lực nhận thức, suy yếu tư duy phản biện, gia tăng nguy cơ lệ thuộc và làm mờ ranh giới giữa hỗ trợ học tập với vi phạm liêm chính học thuật.

Trên bình diện cơ chế hình thành, thái độ của sinh viên chịu ảnh hưởng đồng thời bởi yếu tố cá nhân; môi trường giáo dục đại học và bối cảnh xã hội.Từ đó, bài báo gợi mở ba dạng thái độ điển hình: tích cực có chọn lọc, tiêu cực né tránh, và lệch lạc phụ thuộc/lạm dụng. Mỗi dạng thái độ này gắn với hệ quả khác nhau đối với hiệu quả học tập, năng lực tự chủ và sự phát triển trí tuệ của sinh viên.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Dư Thị Chung, Nguyễn Cao Minh Thành, Nguyễn Vy Anh Thư, Huỳnh Diễm Trinh và Vũ Thị Tuyết Trinh (2024). Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng công cụ AI trong học tập của sinh viên các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing, số 6*(15), 112-125. https://doi.org/10.52932/jfm.v15i6.544.
2. Nguyễn Xuân Hồng, Lê Thị Thúy, Đỗ Đăng Khôi, Hoàng Quỳnh Như và Nguyễn Thị Tuyết Hạnh (2024). Thái độ của sinh viên đối với việc sử dụng các ứng dụng công nghệ dựa trên trí tuệ nhân tạo AI nhằm cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 21*(5), 957-970. https://doi.org/10.54607/hcmue.js.21.5.4270(2024).
3. Bùi Trọng Tài và Nguyễn Minh Tuấn (2024). Ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo trong giáo dục tới hoạt động học tập của sinh viên. *Tạp chí Giáo dục, tập 24 kỳ 10*, tr. 6-11.
4. Lê Đình Thâm, Lưu Kim Ngân và Nguyễn Thụy Thảo Vy (2024). Nghiên cứu tầm quan trọng của hướng dẫn sinh viên, học sinh trong sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI). *Tạp chí thiết bị giáo dục, số 1(326),* tr. 28-29.
5. Nguyễn Ngọc Trang, Nguyễn Kiều Phát và Nguyễn Trần Bảo Ny (2025). Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của giảng viên về ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong giảng dạy. *Tạp chí Giáo dục, số 25*(11), tr. 59-64.

Tài liệu tiếng Anh

6. Albadarin, Y., Saqr, M., Pope, N., & Tukiainen, M. (2024). A systematic literature review of empirical research on ChatGPT in education. *Discover Education, 3*(1), 60. https://doi.org/10.1007/s44217-024-00138-2.
7. Bretag, T., Harper, R., Burton, M., Ellis, C., Newton, P., Rozenberg, P., Saddiqui, S., & van Haeringen, K. (2019). Contract cheating: A survey of Australian university students. *Studies in Higher Education, 44*(11), 1837-1856. https://doi.org/10.1080/03075079.2018.1462788.
8. Grassini, S. (2023). Development and validation of the AI attitude scale (AIAS-4): A brief measure of general attitude toward artificial intelligence. *Frontiers in Psychology, 14*. https://doi.org/10.3389/fpsyg.2023.1191628.
9. Pekrun, R. (2006). The control-value theory of achievement emotions. *Educational Psychology Review, 18*(4), 315-341. https://doi.org/10.1007/s10648-006-9029-9.
10. Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2000). Intrinsic and Extrinsic Motivations: Classic Definitions and New Directions. *Contemporary Educational Psychology, 25*, 54-67.